

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DSPT

Ngày: 26/10/2021

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLPT-DS ngày 24/8/2021 về “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 19/7/2021 của Tòa án nhân dân thị xã TS bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2021/QĐ-PT ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1968 (có mặt).

HKTT: Khu phố TB, phường ĐK, thị xã TS, tỉnh BN.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 80, khu AG (Công ty IDT), phường TH, thị xã TS, tỉnh BN.

- Bị đơn: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1964 (có mặt).

Bà Hà Thị D, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 1, ngõ 13, khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS, tỉnh BN.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số 80, khu AG, phường TH, thị xã TS, tỉnh BN.

2. Anh Dương Văn M, sinh năm 1991 (vắng mặt).

3. Anh Dương Ngọc S, sinh năm 1994 (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 1, ngõ 13, khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS, tỉnh BN.

5. Văn phòng công chứng CT.

Địa chỉ: Đường L, thị xã TS, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Thu H2 (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Vũ Thị H.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 11/9/2015, ông Dương Văn H1, bà Hà Thị D và hai con trai là anh Dương Văn M, anh Dương Ngọc S có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Vũ Thị H, ông Dương Văn T. Đối tượng của hợp đồng là quyền sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS, thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Văn H1. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng CT. Trên thửa đất còn một số tài sản nhưng tài sản không đăng ký quyền sở hữu nên trong hợp đồng không ghi tài sản trên đất và các bên đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản trên đất. Giá chuyển nhượng thực tế là 600.000.000đ nhưng trong hợp đồng hai bên thỏa thuận ghi 100.000.000đ. Bà H, ông T đã trả số tiền 600.000.000đ cho gia đình ông H1, bà D, cụ thể: Cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 2015, bà H nhờ con dâu là chị Ngô Thị T3 mang 450.000.000đ đưa cho ông H1 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh ĐK để ông H1 thanh toán cho Ngân hàng và rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi giao tiền cho ông H1 không lập giấy tờ gì và việc này chỉ có ông H1 với chị T3 và bà N là người chứng kiến.

Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng tại nhà ông T, bà H thì ông H1 nhận 150.000.000đ. Việc này có bố đẻ ông T, ông H1 là người chứng kiến.

Ngày 29/8/2017, ông T đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nhận chuyển nhượng từ gia đình ông H1. Toàn bộ thuế chuyển quyền sử dụng đất và phí trước bạ do ông T, bà H trả, ông H1 là người trả phí công chứng.

Từ khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gia đình ông T, bà H vẫn cho gia đình ông H1 ở nhờ. Nay ông T yêu cầu gia đình ông H1 trả lại thửa đất nhưng gia đình ông H1 không trả, do vậy ông T, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc gia đình ông H1 trả lại gia đình ông thửa đất mà gia đình ông đã nhận chuyển nhượng của gia đình ông H1.

Bị đơn là ông Dương Văn H1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà D, anh M, anh S, chị T2 trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do bố mẹ ông để lại, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông. Trên đất có các tài sản là 01 nhà ở, bếp, công trình phụ, tường bao. Sau ngày ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gia đình ông còn xây dựng thêm một gian buồng phía sau nhà ở làm phòng ngủ.

Việc gia đình ông ký hợp đồng chuyển nhượng với ông T, bà H là do trước năm 2015 con trai ông bị bạn bè xấu lời kéo nên có nợ nần kiểu xã hội đen, liên tục có người đến nhà đòi tiền, đe dọa lấy đất. Cũng thời điểm này việc làm ăn của gia đình ông không thuận lợi, ông vay nhiều người nhưng không có nguồn để trả, cụ thể ông vay anh Nguyễn Văn H4 300.000.000đ; anh Nguyễn Văn D1 400.000.000đ; ông Chử Văn L 500.000.000đ. Do là anh em trong nhà nên gia đình ông có bàn với ông T, bà H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả để trốn tránh các khoản nợ. Vì là hợp đồng giả tạo nên không có việc nhận tiền. Sau khi ký hợp đồng thì bố đẻ ông là cụ Dương Văn K là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017, cụ Khánh chết. Cụ K sống chung với vợ chồng bà H, ông T. Bà H đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục sang tên bà H. Sau khi cụ K chết, anh em trong nhà ông xảy ra mâu thuẫn nên bà H khởi kiện để đòi lại nhà đất nhằm gây áp lực cho ông và gia đình. Ông đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông với bà H, ông T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan nhà nước đã cấp cho bà H, ông T đối với thửa đất 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS. Ông đề nghị bà H xuất trình căn cứ chứng minh đã giao tiền cho ông.

Bà Ngô Thị Thu H2 - Trưởng văn phòng công chứng CT trình bày: Văn phòng công chứng đã thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên. Giá chuyển nhượng các bên thỏa thuận là 100.000.000đ. Việc thanh toán tiền do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, các bên không giao tiền trước mặt công chứng viên. Văn phòng công chứng đã tiến hành việc công chứng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các bên đồng ý nội dung của hợp đồng và xác nhận trước sự có mặt của công chứng viên. Với yêu cầu của ông H1 về việc đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất đã ký tại Văn phòng vô hiệu đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo pháp luật.

Những người làm chứng chị Ngô Thị T3 trình bày: Chị là con dâu bà H, ông T. Vào khoảng cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 2015 bà H nhờ chị đi lấy tiền của một người khác và đến giao lại cho ông H1 với số tiền 450.000.000đ tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Đồng Kỵ. Số tiền này chị giao trực tiếp cho ông H1 tại Ngân hàng để ông H1 thanh toán cho Ngân hàng khoản vay của ông H1 trước đó. Khi chị giao tiền không viết giấy tờ gì, chỉ có bà Vũ Thị N là người đi cùng chứng kiến.

Bà Vũ Thị N trình bày: Bà xác nhận bà H có gọi điện nhờ bà đi cùng chị Thanh để chị Thanh đi giao tiền cho ông H1 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch ĐK nhưng bà chỉ đi cùng chị T3 đến Ngân hàng và đứng bên ngoài chờ còn việc chị T3 giao tiền cho ông H1 bà không chứng kiến.

Anh H4, ông D2, ông L là những người cho ông H1 vay tiền đều xác nhận có cho ông H1 vay tiền nhưng đến nay ông H1 vẫn chưa trả hết được số tiền đã vay.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 1 Điều 87; khoản 2, 4 khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688, 124, 131, 274, 275, 280, 398, 407, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014; mục 2 phần II công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc kiện đòi tài sản với ông Dương Văn H1, bà Hà Thị D.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Văn H1 về việc tuyên bố vô hiệu và giải quyết hậu quả đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn H1 về việc tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Vũ Thị H, ông Dương Văn T (do không cần thiết phải tuyên hủy).

1. Tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Công Thành, số công chứng 2641/2015/CNQSDĐ, quyển số 2 ngày 11/9/2015 giữa bên chuyển nhượng là ông Dương Văn H1, bà Hà Thị D, anh Dương Văn M, anh Dương Ngọc S bên nhận chuyển nhượng là bà Vũ Thị H; ông Dương Văn T.

2. Hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu: Không làm phát sinh quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên nhận chuyển nhượng là bà Vũ Thị H, ông Dương Văn T; không làm chấm dứt quyền sử dụng và phát sinh nghĩa vụ chuyển giao tài sản của bên chuyển nhượng của hộ ông Dương Văn H1 đối với quyền sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS, tỉnh BN.

3. Hộ ông H1 gồm: Ông Dương Văn H1, bà Hà Thị D, anh Dương Văn M, anh Dương Ngọc S là chủ sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS có tứ cận:

Phía Bắc giáp ngõ đi; phía Nam giáp đất nhà ông P, ông H5; phía Đông giáp ngõ đi; phía Tây giáp đất nhà ông T5.

Trên đất có tài sản gồm: 01 nhà 2 tầng và 01 phòng ngủ liền kề lợp tôn, 01 nhà bếp, nhà vệ sinh, sân gạch trên lợp mái tôn, tường rào cổng ngõ.

Các đương sự có quyền đề nghị và cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

4. Hộ ông Dương Văn H1 (gồm ông H1, bà D, anh M, anh S) có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Vũ Thị H, ông Dương Văn T chi phí cho việc nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ với số tiền 2.327.017đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/7/2021, bà Vũ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 16/8/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN kháng nghị đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn do ông Dương văn H1 đại diện và bà Vũ Thị H, ông Dương Văn T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể ông H1 đồng ý trả bà H 450.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa trong thời hạn một tháng để các đương sự thực hiện thỏa thuận; phía nguyên đơn nhất trí; ông H1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Ông Dương Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị H và quyết định kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN của nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố Thanh Nhân, phường Đồng Ky, thị xã TS được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015 mang tên hộ ông Dương Văn H1. Ngày 11/9/2015, giữa gia đình ông H1 bao gồm ông H1, bà D, anh Sơn, anh M đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho ông Dương Văn T, bà Vũ Thị H. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng CT. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, theo nguyên đơn trình bày do gia đình chưa có nhu cầu sử dụng nên vẫn để gia đình ông H1 sử dụng. Nay nguyên đơn yêu cầu gia đình bị đơn trả lại nhưng gia đình bị đơn không trả, do đó nguyên đơn khởi kiện. Phía bị đơn thừa nhận việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS nhưng hợp đồng giả tạo, không có việc bị đơn nhận tiền của nguyên đơn cũng như không có việc bị đơn bàn giao đất cho nguyên đơn nên đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà H. Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vũ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN thì thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm ông đại diện bị đơn là Dương Văn H1 và nguyên đơn là bà Vũ Thị H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể ông

H1 tự nguyện trả bà H 450.000.000 đồng và đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố TN, phường ĐK, thị xã TS giữa gia đình ông với bà H, ông T vô hiệu; phía nguyên đơn là bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn T nhất trí với yêu cầu của ông H1. Đến ngày 26/10/2021, ông Dương Văn H1 và bà Vũ Thị H đã tự thanh toán tiền cho nhau và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn H1, bà Hà Thị D, anh Dương Văn M, anh Dương Ngọc S với bà Vũ Thị H; ông Dương Văn T vô hiệu. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Dương Văn H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông Dương văn H1 tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố dân sự, xử sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688, 124, 131, 274, 275, 280, 398, 407, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Thông tư liên tịch số: 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Vũ Thị H và ông Dương Văn H1.

Ông Dương Văn H1 phải trả bà Vũ Thị H 450.000.000 đồng (xác nhận ông Dương Văn H1 đã trả bà Vũ Thị H số tiền 450.000.000 đồng).

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng CT, số công chứng 2641/2015/CNQSDĐ, quyển số 2 ngày 11/9/2015 giữa bên chuyển nhượng là ông Dương Văn H1, bà Hà Thị D, anh Dương Văn M, anh Dương Ngọc S bên nhận chuyển nhượng là bà Vũ Thị H; ông Dương Văn T vô hiệu.

Ông Dương Văn H1, bà Hà Thị D, anh Dương Văn M, anh Dương Ngọc S là chủ sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 28, diện tích 135,6m² tại khu phố Thanh Nhàn, phường Đồng Ky, thị xã TScó quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 03756 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TS.

Ông Dương Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông H1 đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004012 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TS.

Ông Dương Văn H1 phải chịu 8.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà H đã nộp số tiền trên do đó ông Hoà phải hoàn trả bà H số tiền 8.000.000 đồng (xác nhận ông H1 đã trả bà H 8.000.000 đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND TX TS;
- Chi cục THADS TXTS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Tính